

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN
ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch**

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251 3560 574

Fax: 0251 3560 031

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Bình.

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0933.888.134.

Fax: 0251 3560 031

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (Đính kèm báo cáo thường niên năm 2018).

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 22/03/2019 tại đường dẫn <http://ntw.com.vn/quan-he-co-dong.html>.

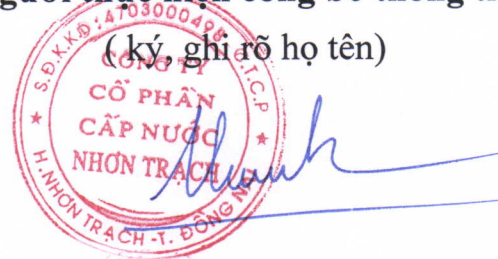
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nhơn Trạch, ngày 22 tháng 3 năm 2019

TUQ. GIÁM ĐỐC

Người thực hiện công bố thông tin

(ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Bình

Nơi nhận :

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty;
- Lưu VT, HĐQT;

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018





NỘI DUNG

THÔNG
TIN
CHUNG
03



16

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

24

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM

36

BÁO CÁO
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



42

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

48

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG

52

QUẢN TRỊ CÔNG TY



62

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN



THÔNG TIN CHUNG



- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Định hướng phát triển
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Tên giao dịch:	NHON TRACH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	NTW
Giấy CNĐKDN số:	3600977120 đăng ký thay đổi lần 07 ngày 15 tháng 05 năm 2018
Vốn điều lệ:	100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng Việt Nam)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng Việt Nam)
Địa chỉ:	KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại:	(0251) 3 560 574
Số fax:	(0251) 3 560 031
Website:	www.ntw.com.vn
Email:	daidowaco@yahoo.com
Mã cổ phiếu:	NTW



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1997

Tiền thân là xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được thành lập theo quyết định số 03/XD.QĐ ngày 08/04/1997 của Sở Xây dựng Đồng Nai.

2007

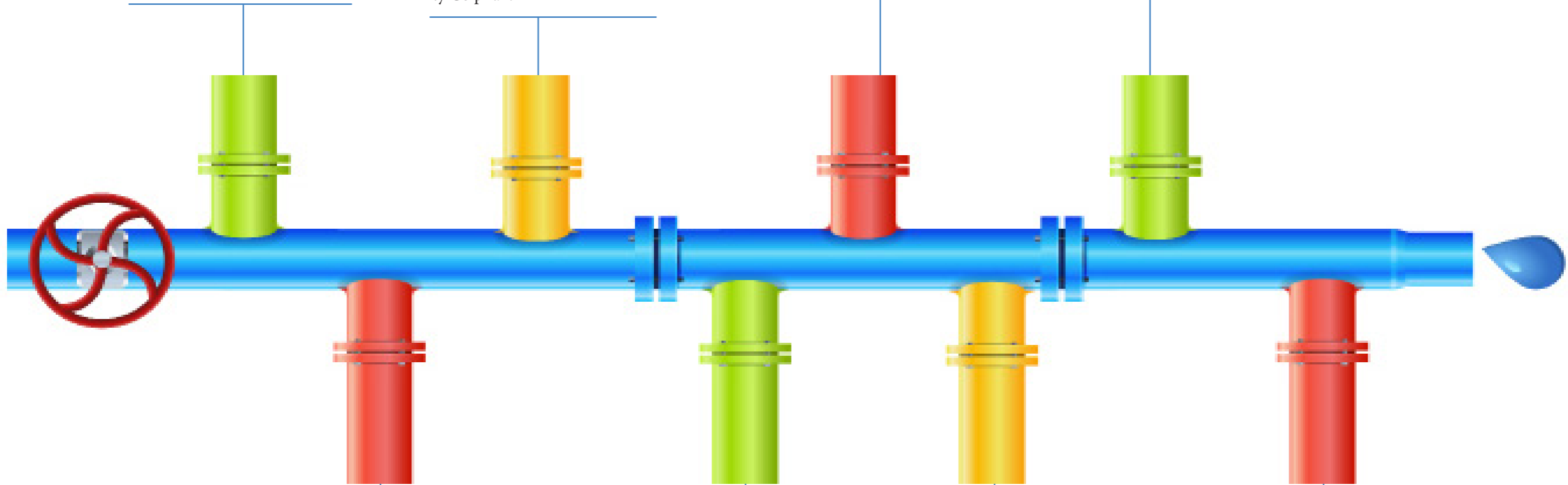
Chuyển đổi thành CTCP Cấp nước Nhơn Trạch theo Quyết định số 3059/QĐ – UBND ngày 24/09/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc “phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch thành Công ty Cổ phần.

2012

Cổ phiếu Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM với vốn điều lệ là 50.000.000.000 VNĐ.

2017

Thực hiện tăng vốn điều lệ Công ty từ 75 tỷ lên 100 tỷ đồng sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 20/04/2017.



UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định thành lập số 36/QĐ.CT.UBT

2004

24/01/2008 Đại hội đồng cổ đông thông qua điều lệ tổ chức hoạt động cho CTCP Cấp nước Nhơn Trạch. Ngày 14/02/2008 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498.

2008

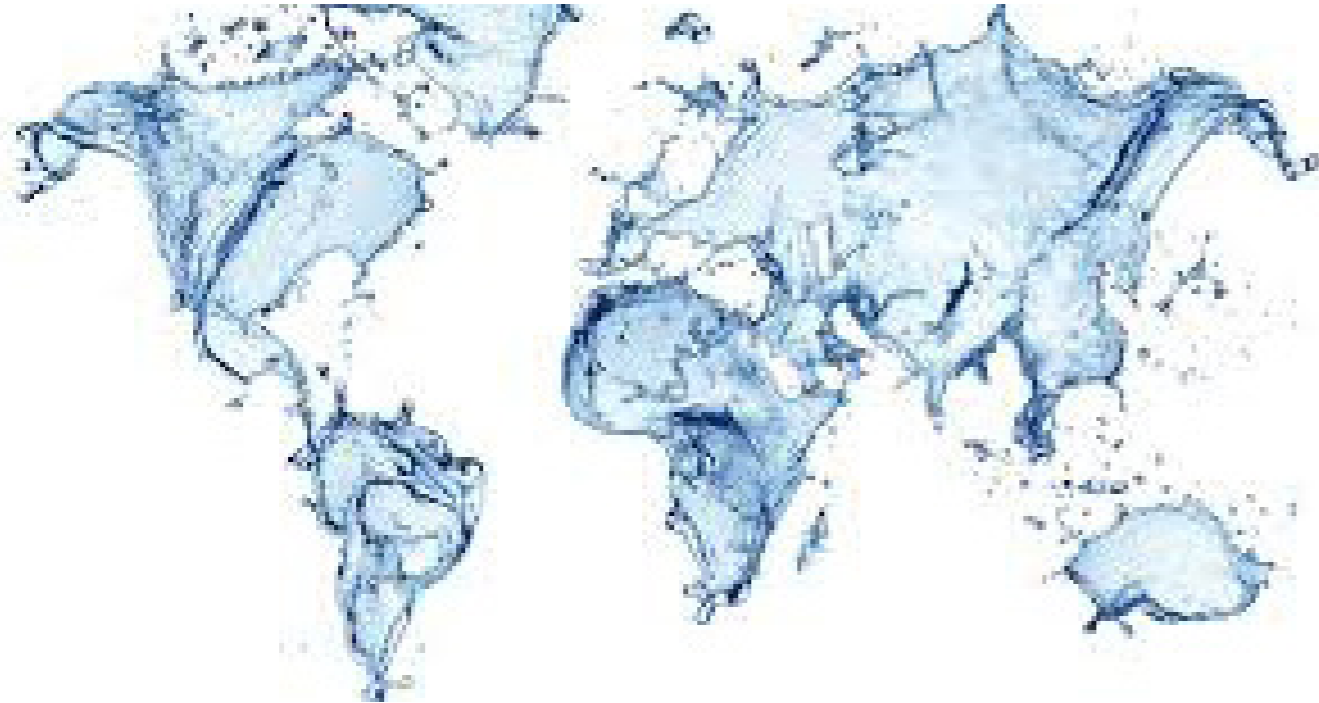
Thực hiện thành công đợt tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu theo nghị quyết lấy ý kiến ĐHĐCĐ số 01/2015/NQLYK-ĐHĐCĐ ngày 20/10/2015. Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, vốn điều lệ của NTW hiện đang là 75 tỷ đồng.

2016

Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 7 vào ngày 15/05/2018.

2018

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

Khai thác, xử lý và cung cấp nước

- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp
- Phân phối nước sạch

Xây dựng công trình công ích

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước
- Xây dựng trạm bơm

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí

- Lắp đặt ống cấp, thoát nước, bơm nước

Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan

- Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình
- Xây dựng, hoàn thiện công trình cấp nước

Địa bàn kinh doanh

Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) có địa bàn hoạt động kinh doanh chủ yếu tại Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Đối với môi trường

Công ty luôn dành sự quan tâm nhất định và rất xem trọng yếu tố môi trường trong quá trình sản xuất. Chất lượng nước luôn đảm bảo được các chỉ tiêu Lý - Hóa và Vi sinh theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế. Bên cạnh đó, các quy định về khai thác và sử dụng nguồn nước ngầm cũng được NTW nghiêm túc tuân thủ nhằm bảo vệ và tránh cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Ngoài ra, Công ty cũng có biện pháp hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm môi trường phát sinh từ các hoạt động sản xuất, thi công xây lắp.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Để hiện thực hóa các mục tiêu nêu trên Công ty tiếp tục duy trì các chiến lược hoạt động phát triển trung và dài hạn như đã đề ra trong các năm trước:

- Kiểm soát giá vốn hàng bán: Do đặc thù hoạt động trong ngành cung cấp nước, công ty cần kiểm soát chi phí chủ yếu là điện năng, nguồn nước và một số loại hóa chất chuyên xử lý nước như phèn, vôi, clo để cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh.
- Uy tín và chất lượng: Tận dụng tối đa các nguồn lực không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, sửa chữa kịp thời các lỗi phát sinh, bảo trì đường ống đúng hạn. Đảm bảo việc cung cấp nước được diễn ra liên tục cho sản xuất và sinh hoạt của các doanh nghiệp, tổ chức và khu dân cư trên địa bàn hoạt động.

- Đội ngũ nhân sự: Có kế hoạch cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và cơ sở hạ tầng và quản lý kinh doanh, phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng một đơn vị cấp nước vững mạnh.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Là một doanh nghiệp trong lĩnh vực cấp nước hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đặt ra cho mình các mục tiêu phát triển chủ yếu như sau:

- Đảm bảo cung cấp nước ổn định cho địa bàn hoạt động.
- Duy trì chất lượng nước cung cấp đúng tiêu chuẩn của Bộ Y tế.
- Tối đa hóa lợi ích kinh tế của Cổ đông đi đôi với phát triển bền vững.
- Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển mạnh mẽ.

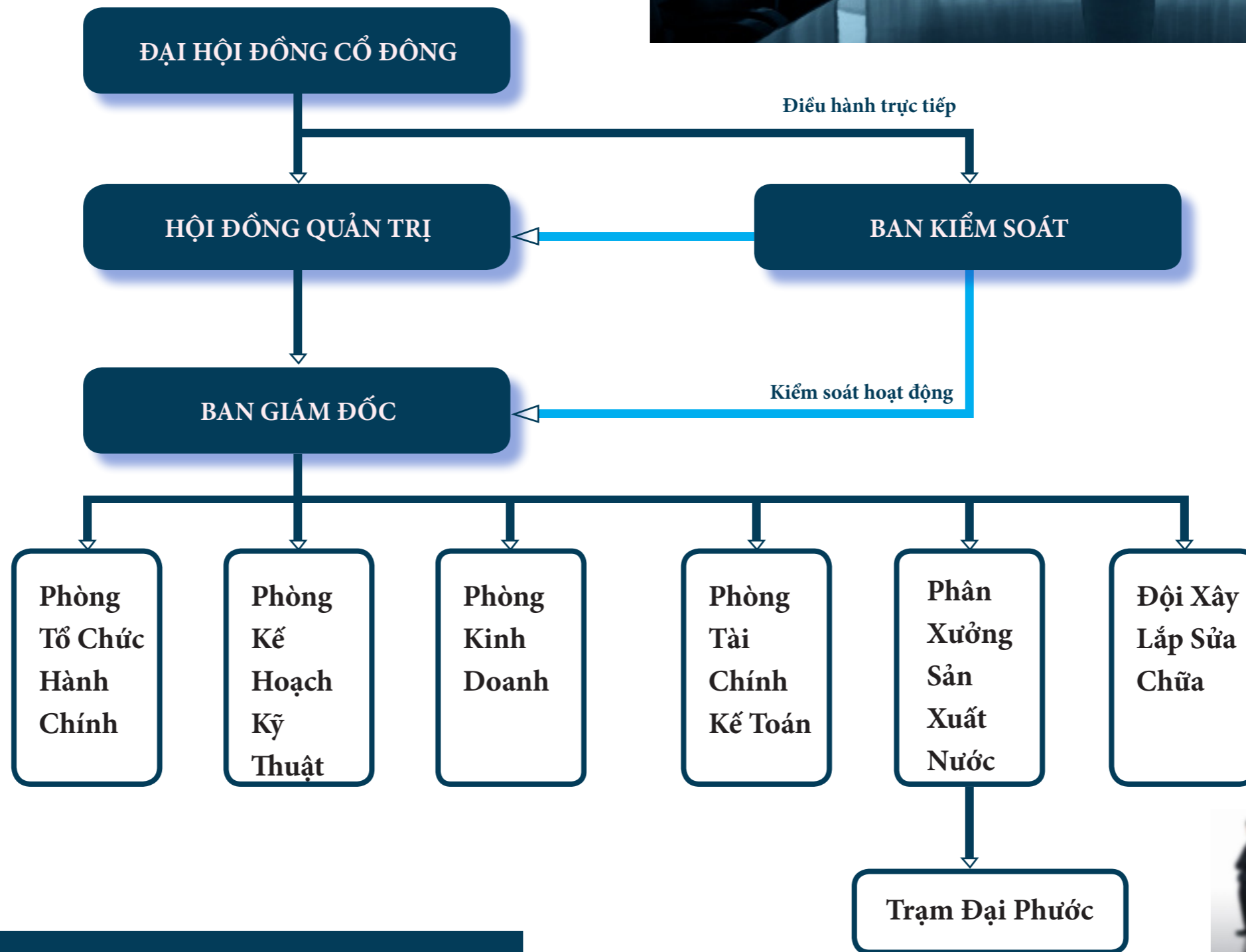
Đối với xã hội, cộng đồng

- Công ty luôn nỗ lực cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, cải cách thủ tục để đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục, ổn định với chất lượng tốt nhất, đảm bảo tính kịp thời cho mọi nhu cầu của người dân và khách hàng doanh nghiệp;
- Đảm bảo chất lượng nước luôn đạt chuẩn, an toàn cho người sử dụng, thường xuyên rà soát mạng lưới cấp nước, các trạm bơm và trạm biến áp, đảm bảo chất lượng nguồn nước an toàn và đồng nhất cho mọi khách hàng;
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện, quyên góp hỗ trợ các đối tượng khó khăn thông qua các chương trình ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa. Tiếp bước cho em đến trường.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của NTW được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị Công ty
- Ban kiểm soát
- Ban Giám đốc
- Phòng chuyên môn nghiệp vụ



Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW)
KHÔNG có công ty con, công ty liên kết.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro pháp luật

Đặc thù trong lĩnh vực cấp thoát nước chịu ảnh hưởng nhiều từ luật như Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Doanh nghiệp và các luật chuyên ngành riêng như Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Cấp nước sạch... Bên cạnh là các quy định nghiêm ngặt về tiêu chuẩn, chất lượng, đảm bảo an toàn về nguồn nước cũng là một trong những rào cản cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong ngành. Hơn nữa, Hệ thống văn bản dưới Luật của nước ta vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và liên tục sửa đổi bổ sung để phù hợp với tình hình kinh tế xã hội của từng thời kỳ. Vì vậy, Công ty cần cập nhật thông tin, tình hình về những thay đổi của Pháp luật để tuân thủ và hoạt động theo đúng quy định. Tuy nhiên, rào cản pháp luật cũng làm hạn chế nguy cơ gia nhập ngành của các Công ty khác. Ảnh hưởng từ luật pháp cũng sẽ tác động chung đến cả toàn ngành cấp thoát nước, không riêng gì đến Công ty NTW.



Hành lang pháp lý cũng tạo nên rủi ro về giá cả cho ngành cấp thoát nước. Nhu cầu thiết yếu của khách hàng liên quan trực tiếp đến sức khỏe và sinh hoạt luôn được Nhà nước kiểm soát chặt chẽ về chất lượng cũng như kiểm soát gắt gao về giá cả của nguồn nước sạch, đảm bảo sự công bằng, an sinh xã hội. Từ đó, để đảm bảo lợi ích chung cho cộng đồng, Nhà nước ban hành ra các khung giá cả phù hợp cho từng đối tượng, khu vực trên thị trường làm ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận công ty. Tuy nhiên, sản phẩm nhu cầu thiết yếu luôn được đảm bảo đầu ra và doanh thu được duy trì, ít chịu tác động lớn khi có biến động cũng như những cú sốc về kinh tế xã hội.

Rủi ro kinh tế

Cùng với tốc độ tăng trưởng kỷ lục trong 10 năm qua, tăng trưởng GDP 2018 đã đạt 7,08% vượt mức chỉ tiêu đề ra. Hòa chung nhịp điệu phát triển đó, ngành cấp nước hạ tầng đang ngày càng có triển vọng. Nước sạch là nhu cầu đời sống cơ bản và không thể thiếu đối với đời sống sinh hoạt hàng ngày của con người nên Công ty ít chịu sự tác động bởi sự thay đổi lớn của nền kinh tế. Là một trong những công ty đi đầu về khai thác và phân phối nước sạch đến các hộ dân trong khu vực, NTW luôn ngày càng mở rộng mạng lưới đường ống ngày càng nhiều. NTW luôn chủ động theo dõi tình hình biến động về kinh tế vĩ mô, có những kế hoạch dự phòng cho các rủi ro có thể xảy ra bất cứ lúc nào từ đó có các biện pháp ứng biến hiệu quả và đảm bảo nhu cầu ngày càng cao của các hộ dân về nước sạch.



Rủi ro môi trường

Hoạt động khai thác và cung cấp nước sẽ khó tránh khỏi việc ảnh hưởng đến môi trường cũng như tác động từ môi trường đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhận thức được tầm quan trọng về điều này, Ban lãnh đạo Công ty luôn tuân thủ quy trình và đảm bảo chất lượng nước, có biện pháp bảo quản nghiêm ngặt đối với hóa chất để giảm thiểu nguy cơ rủi ro ô nhiễm môi trường cho khu vực sản xuất và các khu vực lân cận. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, rà soát kỹ thuật luôn được nhắc nhở định kỳ bảo trì, không ngừng cải tiến kỹ thuật để đem đến nguồn nước sạch, đảm bảo an toàn đến khách hàng.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Hoạt động sản xuất nước sạch là hoạt động chính cấu thành nên giá vốn của Công ty. Và để có được nguồn nước sạch đến với khách hàng, NTW cần nhiều nguyên phụ liệu để xử lý như Clo và Natri Hydroxit đảm bảo chất lượng nước đạt chuẩn. Nguồn phụ phẩm này cũng được NTW mua từ các Doanh nghiệp cung cấp có thương hiệu và chất lượng để làm khách hàng tin tưởng và an tâm sử dụng nguồn nước. Chủ động nguồn nguyên phụ liệu cho quá trình kinh doanh, Công ty luôn duy trì mối quan hệ đối với các đối tác này để có thể kiểm soát được sự biến động của giá đầu vào. Bên cạnh đó, NTW không ngừng hợp tác và tìm kiếm mở rộng hơn nữa để chủ động nhất có thể đối với nguồn cung cấp, lập các phương án dự phòng để tiết kiệm tối đa được chi phí đầu vào khi có biến động bất lợi. Hơn nữa, Công ty luôn đề ra kế hoạch rõ ràng và thực hiện theo tiến độ để từ đó khai thác và sử dụng nguồn nước ngầm hiệu quả nhất, đem đến nguồn nước sạch cho khách hàng đầy đủ.

Rủi ro thất thoát nước

Bài toán về thất thoát nước là mối quan tâm hàng đầu đối với tất cả các công ty trong lĩnh vực khai thác và cung cấp nước. Trong mạng lưới hoạt động cũng như hệ thống ống nước truyền dẫn đến khách hàng sẽ không tránh khỏi vấn đề về nước bị thất thoát. Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ thất thoát nước khá cao ở mức 30%. Nguyên nhân là từ các ống nước có thể bị rò rỉ vì đã cũ, ống mục, đường ống đi qua sông rất khó để phát hiện nên dễ bị thất thoát. Hơn nữa, nguy cơ về đạo đức của người dân cũng là một nguyên do góp phần gia tăng ảnh hưởng của rủi ro này.

Ý thức được điều này, NTW đã cố gắng kiểm soát tối đa bằng cách bố trí thêm nhân viên có chuyên môn kiểm tra định kỳ và rà soát hệ thống đường ống. Tăng cường công tác sửa chữa và thay thế đường ống đã cũ, các trạm bơm và giếng khoan để hạn chế tối đa rủi ro này. Đồng thời phối hợp với người dân, thực hiện các biện pháp giám sát người tiêu dùng có hành vi gian lận trong sử dụng nước sạch.

Rủi ro khác

Biến đổi khí hậu cũng như những thiên tai gần đây ở khu vực Đông Nam Bộ cũng là một rủi ro cho NTW. Hay những rủi ro như chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh. Những rủi ro bất khả kháng này tuy có tần suất xảy ra thấp nhưng lại gây ra thiệt hại rất lớn về nhân sự cũng như tài sản Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo luôn cập nhật tin tức, tình hình thời tiết, chính trị xã hội để giảm thiểu tổn thất kết hợp mua bảo hiểm đầy đủ, thực hiện các biện pháp phòng cháy để hạn chế tối đa về thiệt hại.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HR



- Ban Điều hành Công ty
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Những thay đổi trong Ban Điều hành
- Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY



Thành viên Ban điều hành	Chức Vụ
Ông Ngô Dương Đại	Giám đốc
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Thùy	Kế toán trưởng



NGÔ DƯƠNG ĐẠI

Năm sinh: 1979

Nơi sinh: Hưng Yên

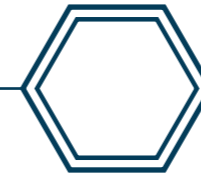
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân Anh văn

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 1.400.000 cổ phần - tỷ lệ 14% vốn điều lệ

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
2001 - 2005	Nhân viên Phòng QLĐT&XDTCB Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
2006 - 2008	Phó phòng Phòng QLĐT&XDTCB Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
2008 - 2010	Phó phòng Phòng KHKT-BQL Dự án Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
2010 - 2012	Phó Giám đốc Ban quản lý các dự án Cấp nước - Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
2001 - 05/2012	Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
06/2012 - Nay	Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch



NGUYỄN LƯƠNG THẮNG

Năm sinh: 1975

Nơi sinh: Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện hóa

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần - tỷ lệ 0,2% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: cổ phần - tỷ lệ % vốn điều lệ

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
05/2002 - 06/2012	Công nhân - Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
06/2012 - 04/2017	Phó Quản đốc - Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
04/2017 - 07/2018	Quản đốc - Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
07/2018 - nay	Phó Giám đốc - Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

Năm sinh: 1979

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.600 cổ phần - tỷ lệ 0,016% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 1.201.600 cổ phần - tỷ lệ 12,016% vốn điều lệ

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
06/2002 - 04/2006	Công nhân tại Xí nghiệp nước Nhơn Trạch
05/2006 - 02/2008	Nhân viên phòng Tổng hợp - Xí nghiệp nước Nhơn Trạch
03/2008 - 05/2010	Nhân viên phòng TCKT - Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
06/2010 - 12/2010	Phụ trách phòng TCKT - Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
01/2011 - 04/2015	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
05/2015 - 05/2018	Trưởng ban kiểm soát - Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
05/2018 - nay	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch



TRẦN VĂN THÙY

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát	Chức Vụ
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng Ban
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Hải	Thành viên

Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh – Trưởng Ban kiểm soát
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00%
Đại diện phần vốn: 800.000 cổ phần - tỷ lệ 8% vốn điều lệ

Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm – Thành viên Ban kiểm soát
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 166.600 cổ phần -
tỷ lệ 1,67% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Ông Nguyễn Bá Hải – Thành viên Ban kiểm soát
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2018 Công ty có sự thay đổi trong Ban điều hành:

- Ông Ngô Dương Đại được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám Đốc (từ ngày 26/04/2018);
- Ông Trần Văn Thùy được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng (từ ngày 10/05/2018);
- Ông Nguyễn Lương Thắng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám Đốc (từ ngày 04/07/2018).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức Vụ
Ông Nguyễn Văn Bính	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên HĐQT
Ông Trần Văn Thùy	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Viết Hưng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Bính – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Đại diện phần vốn: 1.843.736 cổ phần - tỷ lệ 18,44% vốn điều lệ

Ông Ngô Dương Đại - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám Đốc
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 1.400.000 cổ phần - tỷ lệ 14% vốn điều lệ

Ông Trần Văn Thùy – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1600 cổ phần
Đại diện phần vốn: 1.201.600 cổ phần - tỷ lệ 12,016% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Viết Hưng – Thành viên Hội đồng quản trị
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 60.000 cổ phần
Đại diện phần vốn: 60.000 cổ phần - tỷ lệ 0,6% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Văn Hồng - Thành viên Hội đồng quản trị
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Đại diện phần vốn: 382.465 cổ phần – tỷ lệ 3,825% vốn điều lệ



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

93 người

STT	Tính chất phân loại	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ trọng 2018 (%)
A	Theo trình độ	84	93	100
1	Trình độ đại học, trên đại học	30	37	39,78
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	10	09	9,68
3	Khác	44	47	50,54
B	Theo địa bàn công tác	84	93	100
1	Nhà máy nước Nhơn Trạch	73	76	81,72
2	Trạm Đại Phước	11	17	18,28
C	Theo trình độ lao động	84	93	100
1	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	49	46	49,46
2	Trình độ bậc thợ	35	47	50,54

Với phương châm nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong việc phát triển của Công ty.

Trong năm 2018, Công ty tiếp tục duy trì tạo điều kiện cho nhiều CBCNV tập huấn nghiệp vụ về luật xây dựng, thuế và luật lao động. Chi trả tiền lương, tiền thưởng, ngày Lễ, Tết cho CBCNV, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện theo đúng quy định. Đời sống người lao động được cải thiện, an tâm công tác.

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/THÁNG/NGƯỜI)

TT	Năm	Mức lương bình quân
1	2014	6.500.000
2	2015	7.250.000
3	2016	9.950.000
4	2017	10.500.000
5	2018	13.600.000

Công tác Đoàn thể chính trị

Công tác Đảng:

- Tổng số Đảng viên là 18 đảng viên.
- Trong năm 2018, chi bộ đã lãnh đạo CBCNV và các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt kế hoạch SXKD được giao. Đảng viên và CBCNV thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác công đoàn :

- Tổng số đoàn viên công đoàn là 91/93. Hàng tháng kết hợp cùng Chính quyền, công đoàn bình xét thi đua, thăm hỏi CBCNV ốm đau, hiếu, hỷ theo quy định. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động sản xuất an toàn.

Công tác Đoàn thanh niên:

- Tổng số Đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Công ty có: 28 đoàn viên (08 đoàn viên nữ, 20 đoàn viên nam).
- Chi đoàn tổ chức họp định kỳ hàng tháng, đúng quy định. Tham gia các phong trào thể dục thể thao do đoàn cấp trên phát động.

Điều kiện và chế độ làm việc

Trong công tác triển khai sản xuất và hoạt động hàng ngày của Công ty thì NTW luôn ưu tiên về đảm bảo an toàn lao động. Và để thực hiện tốt nhất những chính sách thì hàng năm công ty đều cho có sự đánh giá, kiểm tra điều kiện làm việc của nhân viên, đặc biệt là khối sản xuất, thi công nhằm đảm bảo các điều kiện về an toàn và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định. Hiện nay, Công ty đã đưa vào sử dụng trụ sở làm việc mới tạo điều kiện cho CBCNV có điều kiện làm việc, công tác tốt hơn.

Ngoài ra, Công ty cũng tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên, trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện làm việc cần thiết, cấp phát đầy đủ đồng phục nhân viên theo quy định. Tổ chức định kỳ khám sức khỏe cho toàn thể Cán bộ Công nhân viên trong Công ty. Về chế độ làm việc Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.



Công tác đào tạo

Một công ty tốt khi mỗi cá nhân trong công ty đều phải tốt, nên nhân sự cũng là nguồn lực quan trọng đối với NTW, họ là yếu tố đóng góp rất lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh khi Công ty thực hiện mục tiêu hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ và các lớp đào tạo cá nhân nếu có. Bên cạnh đó, Công ty cũng cử nhiều CBCNV tham gia tập huấn nghiệp vụ về luật xây dựng, thuế và luật lao động để đáp ứng sự thay đổi của các văn bản pháp luật. Với những chính sách như trên, Công ty đã tạo được sự gắn kết lâu dài với các CBCNV, trong những năm qua hầu như không có sự biến động lớn nào về nhân sự của Công ty.



Chính sách việc làm

NTW luôn chú trọng đến nhân sự nên một trong những chính sách mà Công ty đưa ra để thu hút cũng như tạo động lực cho nhân viên làm việc tốt hơn đó là chính sách phúc lợi. Do vậy, chủ trương về chính sách phúc lợi của Công ty luôn rõ ràng và minh bạch, việc chi trả lương thực hiện theo quy định của quy chế trả lương, thưởng trong nội bộ Công ty. Công ty xây dựng phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp, tính cạnh tranh, mức sống chung của khu vực và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Ngoài những quy định về Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và một số quy định khác theo quy định của Pháp luật đều được Công ty thực hiện rất tốt. Bên cạnh đó, hàng năm Công ty đều tổ chức những buổi tham quan và kỳ nghỉ mát cho CBCNV để tạo động lực cho mọi người làm việc tốt hơn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ % TH/KH 2018	Tỷ lệ % TH 2018/ TH 2017
Sản lượng nước sản xuất	m3	15.961.391	16.845.863	16.183.904	96,1%	101,39%
Sản lượng ghi thu	m3	14.927.653	15.716.572	15.104.925	96,1%	101,19%
Tỷ lệ thất thoát nước	%	6,48%	6,70%	6,67%	-	-
Tổng doanh thu	1000Đ	163.321.637	166.783.940	170.260.650	102,1%	104,25%
Lợi nhuận trước thuế	1000Đ	26.532.613	20.118.074	20.172.787	100,3%	76,03%
Lợi nhuận sau thuế	1000Đ	21.156.490	16.024.859	16.068.630	103,0%	75,95%
Tỷ suất LNST/VĐL	%	21,16%	16,02%	16,07%	-	-
Các khoản nộp ngân sách	1000Đ	10.260.980	9.707.084	6.501.385	66,98%	63,36%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%	15%	(*)	-	-

(*) Dự kiến chi trả sau khi có nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua.

Mặc dù chưa đạt được kế hoạch đề ra do Công ty đã niêm phong tất cả các Giếng từ tháng 05/2018 theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Đồng Nai và sử dụng hoàn toàn nguồn nước tập trung mua qua Đồng hồ tổng từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới. Tuy nhiên sản lượng nước sản xuất trong năm 2018 đã tăng 1,39% so với năm 2017 đạt hơn 16 triệu m3. Song song đó, sản lượng ghi thu của NTW tương ứng 101,19% so với năm 2017 và đạt mức trên 15 triệu m3 làm giảm tỷ lệ thất thoát nước so với năm 2017. Đây là một tin tốt được ghi nhận khi giảm thiểu được tỷ lệ thất thoát nước – bài toán khó đối với công ty trong ngành.

Bên cạnh, tổng doanh thu trong năm 2018 cũng tăng đạt hơn mức 170 tỷ đồng và vượt kế hoạch đã đề ra.



Trong đó doanh thu về hoạt động cung cấp nước chiếm đến 95,05% là hoạt động kinh doanh chính, cho thấy Công ty vẫn đang chú trọng đến hoạt động chính yếu. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán lại tăng lên đến 12,8% ở mức gần 134 tỷ và làm cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm mạnh. Doanh thu hoạt động tài chính của NTW giảm nhẹ (chủ yếu đến từ tiền lãi và cho vay) xuống còn 3,5 tỷ. Thu nhập khác của Công ty cũng chiếm phần nhỏ do Công ty có được từ các khoản khác.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% TH/KH năm 2018	% thực hiện so với cùng kỳ năm trước
1	Sản lượng nước						
a	Sản lượng nước sản xuất	m3	15.961.391	16.845.863	16.183.904	96,07	101,39
	- Nước sản xuất Nhơn Trạch	"	6.436.786	4.023.986	5.172.870	128,55	80,36
	- Nước mua qua ĐH tổng	"	9.364.416	11.179.377	9.066.953	81,10	96,82
	- Nước mua qua Hồ Cầu Mới	"	159.907	1.642.500	1.944.081	118,36	1115,76
b	Sản lượng nước ghi thu	"	14.927.653	15.716.572	15.104.925	96,11	101,19
	- Nước ghi thu Nhơn Trạch	"	5.870.773	3.558.264	4.734.124	133,05	80,64
	- Nước mua qua ĐH tổng	"	8.909.980	10.565.083	8.448.237	79,96	94,82
	- Nước mua qua Hồ Cầu Mới	"	146.900	1.593.225	1.922.564	120,67	1308,76
2	Tỷ lệ thất thoát	%	6,48	6,70	6,67	-0,04	0,19
a	- Nhơn Trạch	"	8,80	11,57	8,48	-3,09	-0,32
b	- Qua Đồng hồ tổng	"	4,85	5,49	6,82	1,33	1,97
c	- Qua Hồ Cầu Mới	"	8,13	3,00	1,11	-1,89	
3	Doanh thu	1000đ	163.321.638	166.783.940	170.260.650	102,08	104,25
a	Sản xuất nước máy	"	151.288.073	160.283.940	154.255.834	96,24	101,96
	- Nhơn Trạch	"	51.394.493	27.675.269	39.846.790	143,98	77,53
	- Qua Đồng hồ tổng	"	98.380.510	116.198.454	94.730.235	81,52	96,29
	- Qua Hồ Cầu Mới	"	1.513.070	16.410.218	19.678.809		
b	Xây lắp	"	2.627.630	2.500.000	8.038.601	321,54	305,93
c	Doanh thu khác	"	4.423.261		4.395.337		99,36
d	Doanh thu hoạt động tài chính	"	4.982.672	4.000.000	3.571.000	89,28	71,67
4	HQ-SXKD	"	21.156.490	16.024.859	16.068.630	100,27	75,95
	- Trước thuế		26.532.613	20.118.074	20.172.787	100,27	76,03
	- Sau thuế		21.156.490	16.024.859	16.068.630	100,27	75,95
5	CÁC KHOẢN NỘP NS	"	10.260.980	9.707.084	6.520.985	67,18	63,55
	- Phải nộp				7.613.748		
	- Đã nộp	"			6.501.385		
6	THU NHẬP BÌNH QUÂN	"	13.600	13.600	13.600	100,00	100,00

Công tác sản xuất tại Công ty

Trong năm 2018 Công ty sản xuất và mua nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thông qua đồng hồ tổng tại Trạm bơm tăng áp Formosa theo chế độ bơm 1 ngày, nghỉ 5 ngày và lấy nước hoàn toàn của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai từ 01/05/2018 thông qua đồng hồ tổng D600 cung cấp nước an toàn cho sản xuất của khách hàng.

Đơn vị lấy mẫu	Tổng số mẫu		Tổng hợp lý hóa			Tổng hợp vi sinh		
	Nước thô	Nước máy	Mẫu không đạt	Mẫu đạt	% đạt	Mẫu không đạt	Mẫu đạt	% đạt
Đại Phước	5	264	0	132	100	0	132	100
Nhơn Trạch	1	84	0	42	100	0	42	100
I. Cống	6	348	0	174	100	0	174	100

Công tác thay thế, sửa chữa, di dời

- Thay thế 2 bơm định lượng hóa chất trạm đường 2;
- Thay thế bơm chìm trạm bơm tăng áp Phú Hữu;
- Sửa chữa hệ thống điện Trạm đường 2;
- Sửa chữa bơm thổi rửa trạm bơm cấp 2;
- Thay bơm hóa chất Trạm đường 2;
- Sửa chữa mô tơ quạt vôi;
- Thay thế lắp đặt HTCN và ĐHN D100 Công ty TNHH Sợi Chỉ Việt Côn;
- Di dời tuyến ống D225 đường Lý Thái Tổ, xã Phú Hội;
- Di dời trụ cứu hỏa khách hàng tại Khu tái định cư xã Long Thọ;
- Hàn đầu nối bồn chứa công nghiệp trạm bơm Đại Phước;
- Đầu nối thông tuyến ống HDPE D225 vào ống HDPE D160 đường Võ Văn Tần;
- Di dời trụ cứu hỏa đường Hùng Vương, xã Đại Phước.

Khắc phục sự cố bơm giếng

- G8, G11, G12 Trạm B; G5, G3 (6 giếng Công ty);
- G16 Trạm C; G2, G5 trạm Đại Phước;
- G7 đường Lý Thái Tổ.



Công tác an toàn lao động,

VSCN và PCCN

Tuyên truyền vận động CB - CNV thực hiện tốt nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ. Trong năm 2018 công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ thực hiện tốt, không có sự cố nào xảy ra.



Công tác sửa chữa bảo trì và khắc phục sự cố kịp thời đảm bảo yêu cầu kỹ thuật phục vụ tốt cho công tác sản xuất. Trong năm 2018 đã kiểm tra, súc xả các tuyến ống nhánh cấp nước cho khách hàng; Sửa chữa sự cố ống bể:

- Tuyến ống D225 đường ĐT.769 xã Phước Thiện;
- Tuyến ống gang D300 đường Trần Phú;
- Tuyến ống HDPE D225 đường ĐT.769, ấp Phú Mỹ, xã Phú Hội;
- Tuyến ống HDPE D110 Khu Samco - Trung tâm huyện Nhơn Trạch;
- Tuyến ống HDPE D90 tại hẻm Bà Hiệp, xã Long Thọ;
- Tuyến ống HDPE D110 hẻm Diệp Trung, xã Phước Thiện;
- Tuyến ống HDPE D110 tại hẻm Ông Quang, xã Phước Thiện;
- Tuyến ống HDPE D110 tại hẻm Ông Rép, xã Long Thọ;
- Tuyến ống HDPE D110 đê Phước Lương (tuyến 186);
- Tuyến ống HDPE D160 đường ĐT.769, xã Phú Hữu;
- Tuyến ống HDPE D63 đường Nguyễn Hữu Cảnh;
- Tuyến ống HTCN Công ty cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Kim Phong;
- Tuyến ống HDPE D160 qua cầu Đại Phước.

- Tuyến ống D160 trạm bơm Đại Phước;

STT	Công trình	Thời gian hoàn thành
1	Đường hẻm Mười Hiền - xã Long Thọ	09/02/2018
2	Đường hẻm Ông Kỳ - xã Long Thọ	09/02/2018
3	Đường hẻm Ông Tiếp - xã Long Thọ	09/02/2018
4	Đường hẻm Bà Lê - xã Long Thọ	12/03/2018
5	Đường hẻm Đường Chùa - xã Long Thọ	12/03/2018
6	Đường hẻm Bà Hiệp - xã Long Thọ	19/03/2018
7	Đường hẻm Diệp Trung - xã Phước Thiện	23/03/2018
8	Đường hẻm Bà Sáu Bắc - xã Phước Thiện	19/03/2018
9	Đường hẻm Ông Đành - xã Phước Thiện	12/04/2018
10	Đường hẻm Ông Thâu - xã Phước Thiện	12/04/2018
11	Đường hẻm Ông Rếp - xã Phước Thiện	12/04/2018
12	Đường hẻm Ông Lễ - xã Phước Thiện	12/04/2018
13	Đường hẻm Diệp Trung - xã Phước Thiện	12/04/2018
14	Đường hẻm Ông Lương - xã Phước Thiện	12/04/2018
15	Đường hẻm Ông Sơn - xã Phước Thiện	12/04/2018
16	Đường hẻm Ông Bảy Xong - xã Phước Thiện	12/04/2018
17	Đường hẻm Ông Nhổng - xã Phước Thiện	12/04/2018
18	Đường hẻm CVN ấp Bến Sắn - xã Phước Thiện	10/04/2018
19	Đường hẻm Liên ấp Trầu - Bến Sắn - xã Phước Thiện	05/04/2018
20	Đường hẻm Trường THCS	09/08/2018
21	Đường hẻm Võ Ấp Trầu	09/08/2018
22	Đường hẻm Ông Quang	09/08/2018
23	Đường hẻm Trường học nổi Bến Chùa	09/08/2018
24	Đường hẻm Phước Thiện I	09/08/2018
25	Đường hẻm lò gạch khu D, ấp Phước Lý	26/10/2018
26	Đường hẻm Ông Luyện ấp Phước Lý	26/10/2018
27	Đường hẻm cổng trước giáo xứ ấp Phước Lý	26/10/2018
28	Đường hẻm cổng sau giáo xứ ấp Phước Lý	26/10/2018

STT	KHU VỰC	LẮP ĐẶT MỚI	SỬA CHỮA	THAY ĐỒNG HỒ	BẢO HÀNH	CHUYỂN NHƯỢNG
1	CƠ QUAN	35	0	0	0	0
a	NHƠN TRẠCH	28	0	0	0	0
b	ĐẠI PHƯỚC	7	0	0	0	0
2	HỘ DÂN CƯ	2.750	174	12	248	0
a	HIỆP PHƯỚC	274	09	0	24	0
b	LONG THỌ	652	5	0	9	0
c	PHƯỚC THIÊN	495	7	0	13	0
d	PHÚ HỘI	223	0	0	0	0
e	ĐẠI PHƯỚC	483	72	0	54	0
f	PHÚ HỮU	443	81	12	148	0
g	PHƯỚC AN	180	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		2.785	174	12	248	0



Công tác phát triển khách hàng

Công tác tổ chức kiểm tra HTCN khách hàng, mạng lưới cấp nước truyền tải và phân phối định kỳ mỗi tháng 2 lần, khắc phục và giải quyết các trường hợp đồng hồ hư, chạy không chính xác, nhằm hạn chế tỷ lệ nước thất thoát. Trong năm 2018 đã kiểm tra: 1.752 khách hàng là các Doanh nghiệp tại các KCN và 105 khách hàng hộ dân cư trên địa bàn.

STT	Công trình	Thời gian nghiệm thu
1	Nâng cấp tuyến ống nước đê Phước Lương xã Phú Hữu	03/05/2018
2	Xây dựng hệ thống Cấp nước thô Công suất 2.500m ³ /ngày cho nhà máy xử lý nước Đại Phước	23/04/2018
3	Xây dựng nhà xe nhà máy Nhơn Trạch	25/10/2018
4	Xây dựng hồ cảnh nhà máy nước Nhơn Trạch	25/10/2018





Cổ phần phổ thông: 10.000.000 cổ phần.
 Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần.
 Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần.
 Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần.
 Mệnh giá: 10.000 VNĐ.
 Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.
 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
 Các chứng khoán khác: Không có.
 Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi so với 2017.

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	5.243.736	52.437.360.000	52,437
II	Cổ đông nội bộ	336.180	3.361.800.000	3,362
III	Cổ đông trong nước	8.501.054	85.010.540.000	85,011
1	Cá nhân	5.865.024	58.650.240.000	58,650
2	Tổ chức	2.636.030	26.360.300.000	26,360
IV	Cổ đông nước ngoài	1.498.946	14.989.460.000	14,989
1	Cá nhân	31.541	315.410.000	0,315
2	Tổ chức	1.467.405	14.674.050.000	14,674
	Tổng cộng	15.579.916	155.799.160.000	155,799

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ Phần Cấp nước Đồng Nai	5.243.736	52,437%
2	America LLC	1.434.585	14,346%
	Tổng cộng	6.678.321	66,783%

- Công trình Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m³/ngày.đêm: Đã phê duyệt ĐTM. Tư vấn thiết kế hoàn thiện theo yêu cầu của Tổ thẩm định. Đã hoàn thiện hồ sơ yêu cầu của phòng quản lý đô thị huyện Nhơn Trạch, chờ cấp phép quy hoạch.
- Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường Nguyễn Văn Cừ: đã phê duyệt dự án.
- Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D200 Cụm công nghiệp Phú Thạnh-Vĩnh Thanh: Đã thi công hoàn thành lắp đặt ống, đang thi công lắp đặt trụ cứu hoả, thử áp lực, súc xả, khử trùng và đấu nối tuyến ống.
- Công trình Cải tạo thay thế các tuyến ống PVC khu 5 ấp Cát Lái và ấp Phước Lương - xã Phú Hữu: Đang triển khai thi công.
- Công trình Xây dựng tuyến ống chuyển tải D300 đường ĐT xã Long Tân-Phú Thạnh: đang thẩm tra dự toán chuẩn bị đầu tư, xin thoả thuận chuyển hướng.
- Công trình Khoan thay thế giếng G1 trạm Đại Phước: đã hoàn thành công trình.
- Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước D160 đường ĐT 769 xã Long Tân-Phú Thạnh: đã khảo sát, lập dự toán chuẩn bị đầu tư.
- Công trình Tuyến ống cấp nước 20 hẻm trên xã Hiệp Phước, Long Thọ kết hợp với công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa: hoàn thành lập dự toán, gửi công ty Hưng Nghiệp Formosa duyệt vốn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT: đồng		
	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	% tăng giảm
Tổng tài sản	203.857.224.942	194.680.668.430	-4,50%
Doanh thu thuần	153.915.703.517	162.294.434.906	5,44%
Giá vốn hàng bán	118.752.922.000	133.950.713.986	12,80%
Lợi nhuận từ HĐKD	26.351.635.487	15.781.750.926	-40,11%
Thu nhập khác	4.423.261.190	4.395.336.740	-0,63%
Lợi nhuận trước thuế	26.532.612.804	20.172.787.666	-23,97%
Lợi nhuận sau thuế	21.156.490.243	16.068.630.133	-24,05%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều giảm so với năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm xuống còn 6,23 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm xuống còn 5,90 lần. Lý giải cho điều này là công ty giảm các khoản tương đương tiền cũng như không có khoản phải thu cho vay ngắn hạn. Hệ số thanh toán nhanh cũng gần bằng hệ số thanh toán ngắn hạn cho thấy hàng tồn kho của NTW không bị ứ đọng nhiều đạt 5,6 tỷ (giảm 23,29%) và chủ yếu là nguyên, vật liệu phục vụ cho quá trình xử lý nước. Ngoài ra, nợ ngắn hạn của Công ty cũng giảm chủ yếu từ khoản mục Phải trả người lao động.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời trong năm nay đều giảm so với năm 2017. Trong đó, chỉ tiêu về Lợi nhuận từ hoạt động/Doanh thu thuần giảm mạnh nhất lên đến 7,40%. Nguyên nhân từ là do lợi nhuận của Công ty cũng ảnh hưởng đáng kể từ việc giá vốn hàng bán tăng mạnh. Đây là một trong những thách thức lớn nhất của NTW do lượng nước ô nhiễm lớn cũng như cần nhiều nguyên vật liệu hóa chất để đảm bảo quá trình lọc nước đủ chất lượng về tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, việc Công ty tiếp tục mở rộng mạng lưới đường ống cũng như lắp đặt thêm các giếng khoan khai thác cũng làm cho giá vốn tăng mạnh đến như vậy. Tuy nhiên, ngành cấp thoát nước được đánh giá là triển vọng đối với nước ta do sự gia tăng của tốc độ đô thị hóa nước ta làm cho nhu cầu trong tương lai sẽ tăng cao. Việc lắp đặt để mở rộng thêm mạng lưới hoạt động, khai thác lượng nước trước sẽ đáp ứng cho nhu cầu sau này.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2018, vòng quay hàng tồn kho lại tiếp tục gia tăng. Nguyên nhân là giá vốn hàng bán của NTW tăng lượng đáng kể lên đến 12,8% đạt mức gần 134 tỷ đồng. Tuy nhiên công tác quản trị hàng tồn kho của Công ty đang dần được cải thiện nên vòng quay hàng tồn kho đã tăng thêm 4,64 vòng. Bên cạnh đó, vòng quay tài sản cũng có một sự gia tăng nhẹ từ 0,76 vòng lên đến 0,81 vòng. Chủ yếu đến từ việc giảm lượng tài sản ngắn hạn như đã phân tích trên. Tuy nhiên doanh thu năm 2018 đã tăng 5,44% cho thấy triển vọng của Công ty trong tương lai cũng như việc Ban lãnh đạo NTW đã có biện pháp quản trị tài sản để phù hợp với việc mở rộng và phát triển Công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn cũng có xu hướng giảm so với năm 2017. Chủ trương công ty là không sử dụng nợ dài hạn nên nợ của NTW là nợ ngắn hạn và có sự giảm so với năm 2017 ở mức 16 tỷ đồng tương đương với giảm 17,45%. Tổng tài sản của NTW cũng giảm 4,5% so với 2017. Chủ yếu giảm tài sản ngắn hạn và đầu tư mở rộng, mua thêm tài sản dài hạn. Từ đó cũng cho thấy, Công ty đang ngày càng thận trọng hơn trong việc sử dụng đòn bẩy.

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,55	6,23	
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	6,19	5,90	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	9,99%	8,63%	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	11,10%	9,45%	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	15,96	20,60	
Vòng quay tài sản	Vòng	0,76	0,81	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	13,75%	9,90%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	11,68%	9,03%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	10,42%	8,25%	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	17,12%	9,72%	



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- Đánh giá kết quả kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về tổ chức, chính sách quản lý
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán viên
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

<i>DVT: đồng</i>					
Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH2018/ KH2018	TH2018/ TH2017
Tổng doanh thu	163.321.637	166.783.940	170.260.650	102,08%	104,24%
Lợi nhuận trước thuế	26.532.613	20.118.074	20.172.788	100,27%	76,03%
Lợi nhuận sau thuế	21.156.490	16.024.859	16.068.630	100,27%	75,95%

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Sản xuất nước	129.162.737.400	94,72%	151.288.073.500	92,63%	154.255.833.700	90,60%
Xây lắp	2.143.118.122	1,57%	2.627.630.017	1,60%	8.038.601.206	4,72%
Doanh thu khác	5.053.087.594	3,71%	9.405.934.187	5,76%	7.966.215.389	4,68%
Tổng Doanh thu	136.358.943.116	100%	163.321.637.704	100%	170.260.650.295	100%

Trong năm 2018, với việc mở rộng hơn nữa hệ thống khai thác nước ngầm kết hợp mua nước từ Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, Công ty đã cung cấp đầy đủ cũng như đảm bảo về chất lượng nước cho khách hàng để phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt hàng ngày trên địa bàn và các khu vực lân cận. Tuân thủ quy định về Cấp nước sạch, Công ty luôn chủ động kiểm tra định kỳ, các mẫu nước đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ y tế. Công tác đầu tư XDCB được triển khai theo kế hoạch và quy định. Năm qua tình hình phát triển khách hàng đạt được nhiều kết quả tích cực, số thủy lượng kế được lắp mới tại khu dân cư Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Thọ, Phú Hội, Đại Phước, Phú Hữu và Phú Đông huyện Nhơn Trạch đạt mức 9750 đồng. Ngoài ra các công tác về nhân sự, hoạt động đoàn thể đều được đảm bảo thực thi đúng quy định của Pháp luật và chính sách của Công ty, thu nhập của người lao động được cải thiện trong năm.

Doanh thu sản xuất nước và xây lắp trong năm 2018 đạt 162 tỷ đồng và tăng 5,44% so với năm 2017. Do ảnh hưởng của giá vốn hàng bán tăng cao nên tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty chỉ đạt 20,2 tỷ đồng giảm 23,97% so với năm trước. Từ đó, sau khi hoàn thành các nghĩa vụ về Thuế, NTW ghi nhận lợi nhuận sau thuế ở mức 16,1 tỷ đồng. Năm 2018 là năm hoạt động khó khăn đối với ngành cấp nước nói chung cũng như Công ty NTW nói riêng. Tuy có một số chỉ tiêu không đạt được trong kế hoạch đã đề ra, Ban lãnh đạo vẫn có chiến lược dài hạn hơn cho triển vọng sắp tới của ngành. Tổng doanh thu của NTW tăng dần qua các năm. Trong năm 2018, tổng doanh thu Công ty tăng 4,24% đạt mức trên 170 tỷ đồng. Trong đó Công ty vẫn chú trọng đến hoạt động chính đó là sản xuất nước. Cơ cấu của khoản mục doanh thu này luôn trên 90% mỗi năm cho thấy NTW vẫn tập trung nguồn lực để hoạt động.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tài sản:

Trong năm 2018, tổng tài sản của NTW có xu hướng giảm 194,7 tỷ đồng. Chủ yếu giảm từ Tài sản ngắn hạn để đầu tư trang thiết bị máy móc là các tài sản dài hạn. Nên ta có thể thấy, tài sản dài hạn tăng lên đến 127,7% do đặc thù của ngành cấp thoát nước cũng như việc mở rộng phát triển mạng lưới đường ống của Công ty. Từ đó cơ cấu tài sản của NTW cũng đang dần dịch chuyển từ giảm tài sản ngắn hạn và tăng đầu tư vào tài sản cố định. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn đã giảm từ 65,45% còn lại 53,80% từ việc quản trị hàng tồn kho không bị ứ đọng nhưng vẫn đảm bảo được thanh khoản cho Công ty để đảm bảo hoạt động kinh doanh.

Nguồn vốn:

NTW chủ trương không sử dụng nợ dài hạn, khoản mục nợ ngắn hạn của Công ty lại giảm đáng kể trong năm 2018 đến 17,45% so với năm 2017. Nguyên nhân là trong năm 2018, khoản mục phải trả người lao động giảm đáng kể từ 5,5 tỷ xuống còn 1,8 tỷ đồng và việc giảm khoản trích lập về quỹ khen thưởng phúc lợi lên đến 2,2 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của NTW chỉ giảm nhẹ 3,06% so với năm trước. Đánh giá tổng quan cho thấy tình hình tài chính Công ty đang có sự giảm nhẹ so với năm trước. Tuy nhiên, việc quản trị tài sản cho phù hợp với tình hình công ty nhưng vẫn chú trọng đầu tư mở rộng về sau cho thấy tầm nhìn chiến lược của Ban lãnh đạo khá dài hạn.

<i>DVT: đồng</i>			
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	%2018/2017
Tài sản	203.857.224.942	194.680.668.430	95,50%
Tài sản ngắn hạn	133.418.928.141	104.731.480.104	78,50%
Tài sản dài hạn	70.438.296.801	9.949.188.326	127,70%
Nguồn vốn	203.857.224.942	194.680.668.430	95,50%
Nợ ngắn hạn	20.359.251.013	16.806.583.587	82,55%
Nợ dài hạn	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	183.497.973.929	177.874.084.843	96,94%

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch 2019	ĐVT: đồng
				Tỷ lệ % 2019/2018
Sản lượng nước sản xuất	m3	16.183.904	15.602.977	96,41%
Sản lượng ghi thu	m3	15.104.925	14.542.995	96,28%
Tỷ lệ thất thoát	%	6,67%	6,79%	+0,12
Tổng doanh thu	1.000đ	170.260.650	161.778.000	95,02%
Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	20.172.787	13.018.000	64,53%
Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	16.068.630	10.414.000	64,81%
Tỷ suất LNST/VĐL	%	16,07%	10,41%	-5,66
Các khoản nộp Ngân sách	1.000đ	6.501.385	6.501.385	100%

Các biện pháp cụ thể thực hiện kế hoạch

Tiếp tục phổ biến, vận động và tuyên truyền CBCNV thực hiện tốt các qui định qui chế làm việc của Công ty, các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật nhà nước.	Phối hợp với Ban quản lý KCN, Công an khu công nghiệp Nhơn Trạch bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực sản xuất - kinh doanh; Phối hợp với UBND huyện Nhơn Trạch phát triển các mạng lưới cấp nước cho các khu dân cư xã Hiệp Phước, Phước Thiển, Long Thọ.	Tập trung cấp nước ổn định cho sản xuất và sinh hoạt của các Doanh nghiệp và các khu dân cư trên địa bàn. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra bảo trì, sửa chữa, hệ thống cấp nước và đồng hồ nước khách hàng hạn chế tỷ lệ thất thoát. Bảo dưỡng máy móc thiết bị thường kỳ, khắc phục kịp thời các sự cố kỹ thuật đảm bảo sản xuất an toàn.	Tăng cường công tác kiểm tra, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng, nâng cao mức độ hài lòng của người dân.
--	--	---	---

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán RSM Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2018 của CTCP Cấp nước Nhơn Trạch, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch luôn cố gắng cập nhật các quy định pháp luật mới điều chỉnh hoạt động của mình nhằm đề ra các kế hoạch cải tiến cụ thể về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý qua đó cho thấy được tuân thủ nghiêm túc vừa đáp ứng được yêu cầu của các văn bản pháp luật hiện hành vừa hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Triển khai thực hiện hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, được Hội đồng Quản trị, cổ đông thông qua:

- Công trình Nâng cấp, mở rộng trạm bơm cấp nước Đại Phước công suất 5.000m³/ngày.đêm: Phê duyệt hồ sơ và đấu thầu theo quy định, triển khai thi công hoàn thành trong Quý II năm 2019.

- Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường Nguyễn Văn Cừ: Tạm ngừng triển khai, để đầu tư các công trình khác có hiệu quả hơn.

- Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D200 Cụm công nghiệp Phú Thạnh-Vĩnh Thanh: Triển khai thi công, nghiệm thu hoàn thành trong tháng 01/2019.

- Công trình Cải tạo thay thế các tuyến ống PVC khu 5 ấp Cát Lái và ấp Phước Lương: Triển khai thi công, nghiệm thu hoàn thành trong tháng 01/2019.

- Công trình Xây dựng tuyến ống chuyển tải D300 đường ĐT769 xã Đại Phước: Phê duyệt hồ sơ và đấu thầu theo quy định, triển khai thi công hoàn thành trong Quý II năm 2019.

- Công trình Khoan thay thế Giếng G1 trạm bơm Đại Phước: Nghiệm thu hoàn thành trong tháng 01/2019.

- Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước D160 đường ĐT.769 xã Long Tân - Phú Thạnh: Phê duyệt hồ sơ và đấu thầu theo quy định, triển khai thi công hoàn thành trong Quý II năm 2019.

- Tuyến ống cấp nước 20 hẻm trên địa bàn xã Hiệp Phước, Long Thọ kết hợp với Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa: Phê duyệt hồ sơ và đấu thầu theo quy định, triển khai thi công hoàn thành trong Quý I năm 2019.

- Tiếp tục đầu tư mở rộng các mạng lưới cấp nước các hẻm trên địa bàn các xã Hiệp Phước, Phước Thiển, Long Thọ, Đại Phước, Phú Đông, Phước Khánh thuộc huyện Nhơn Trạch bằng nguồn vốn của Công ty nhằm khai thác hiệu quả nguồn nước của các nhà máy nước hiện hữu.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ %	
					TH/KH 2018	TH 2018/TH 2017
Sản lượng nước sản xuất	m3	15.961.391	16.845.863	16.183.904	96,1%	101,39%
Sản lượng ghi thu	m3	14.927.653	15.716.572	15.104.925	96,1%	101,19%
Tỷ lệ thất thoát nước	%	6,48%	6,70%	6,67%	-	-
Tổng doanh thu	1000Đ	163.321.637	166.783.940	170.260.650	102,1%	104,25%
Lợi nhuận trước thuế	1000Đ	26.532.613	20.118.074	20.172.787	103,0%	78,12%
Lợi nhuận sau thuế	1000Đ	21.156.490	16.024.859	16.068.630	103,0%	75,95%
Tỷ suất LNST/VĐL	%	21,16%	16,02%	16,07%	-	-
Các khoản nộp ngân sách	1000Đ	10.260.980	9.707.084	6.501.385	66,98%	63,36%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%	15%	(*)	-	-

(*) Dự kiến chi trả cổ tức sau khi có nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua

Trong năm qua, doanh thu sản xuất và xây lắp của NTW đã tăng 5,44% tuy nhiên lợi nhuận của Công ty lại giảm so với năm trước do ảnh hưởng của giá vốn hàng bán theo phân tích ở trên. Một thành công của Công ty trong năm nay đó là giảm được tỷ lệ thất thoát nước đó Ban lãnh đạo đã có kế hoạch tăng cường công tác bảo trì các đường ống đã cũ. Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành luôn thực hiện hoạt động giám sát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định hiện hành. Cùng với Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị đã tập trung khắc phục những khó khăn, hạn chế đảm bảo chất lượng nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt đến các khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn huyện Long Thành và Nhơn Trạch. Các khoản doanh thu và chi phí trong quá trình hoạt động đều rõ ràng, minh bạch.

Việc chăm lo cho người lao động cũng được Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch thực hiện tốt góp phần giữ vững tiến độ và hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra trong năm hoạch trong năm 2018. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát ban điều hành Công ty thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Liên tục đánh giá, dự báo, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh để HĐQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời xử lý những vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đúng quy định và Điều lệ. Đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cung cấp nước ổn định cho sản xuất, sinh hoạt của khách hàng. Hoạt động Công bố thông tin được thực hiện đầy đủ đến Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc Công ty

“Với những thay đổi có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua, Ban Giám đốc đã rất nỗ lực phối hợp thực hiện chắc chắn, hiệu quả thực hiện các giải pháp ứng phó nhằm đảm bảo mọi hoạt động của NTW được diễn ra thuận lợi, đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông theo kế hoạch đề ra. Kết quả cho thấy Công ty luôn duy trì, đảm bảo cung cấp nước ổn định cho sản xuất, sinh hoạt cho các khu dân cư, KCN trên địa bàn hoạt động. Các thành viên trong Ban giám đốc tiếp tục có được một năm làm việc hiệu quả, thành công và mong rằng kết quả này sẽ được duy trì trong những năm tiếp theo.”



Kế hoạch, định hướng Hội đồng quản trị

Xem xét kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2019 mà Ban Giám đốc trình bày, Hội đồng Quản trị nhất trí với các chỉ tiêu kế hoạch cho năm tài chính tiếp theo. Để có được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 tốt hơn, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiếp tục:

Luôn duy trì các cuộc họp định kỳ của HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty, nâng cao chất lượng các cuộc họp, xây dựng chiến lược phát triển của công ty phù hợp với tình hình thực tế của công ty, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.

Tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu. Tập trung cung cấp nước an toàn cho sản xuất và sinh hoạt của các khu dân cư, khu công nghiệp trên địa bàn huyện Nhơn Trạch.



Để đảm bảo và thu hút được nhiều khách hàng tiềm năng hơn thì NTW đã tăng cường cải thiện chất lượng dịch vụ, phục vụ, ứng dụng các phần mềm quản lý nhằm nâng cao năng lực quản lý và điều hành đảm bảo mục tiêu nâng cao doanh thu và lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 và các năm tiếp theo, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.



Phối hợp giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty trên phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo tính minh bạch, công khai theo quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tiếp tục lựa chọn công ty kiểm toán có năng lực thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Đảm bảo chất lượng của hoạt động cung cấp nước và xây lắp. Kiểm soát lượng nước thất thoát giảm tối đa, đồng thời tiết kiệm chi phí, đảm bảo lợi nhuận đạt kế hoạch.

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



Tiêu chí

Giá trị mang lại trong năm 2018

Kết quả hoạt động	Doanh thu thuần: 162,3 tỷ đồng; LNST: 16,1 tỷ đồng
Cổ đông	Hoàn thành chi trả cổ tức 2017 với tỷ lệ 20%/cổ phiếu
Nộp ngân sách	Tổng khoản nộp ngân sách bằng 6.501.385 ngàn đồng
Người lao động	Mức lương bình quân 2018 là 13,6 triệu đồng/người/tháng



Về kinh tế

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch hình thành và phát triển trên cơ sở dân chủ, bình đẳng, tự nguyện các cổ đông cùng nhau góp vốn cùng chia sẻ lợi nhuận, cũng như cùng chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trên số vốn đã đầu tư. Cho đến thời điểm hiện nay, các mục tiêu kinh tế đặt ra đều được Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty phối hợp triển khai thực hiện quyết liệt với tinh thần đầy trách nhiệm. Kết quả hoạt động năm 2018 cho thấy NTW vẫn đảm bảo được thu nhập, các chính sách đối với đối tượng này được thực hiện đầy đủ và có sự cam kết dài lâu, tiếp tục duy trì được sự phát triển bền vững của Công ty, tuân thủ đúng các quy định về thuế của Nhà Nước. NTW luôn tạo công việc ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế Tỉnh Đồng Nai và cả nước. Những năm qua, Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Năm 2018, kết quả kinh doanh tiếp tục duy trì sự tăng trưởng, việc trả cổ tức mỗi năm đều được xem xét trên tinh thần vì sự phát triển trong tương lai của Công ty và trên hết là hướng đến gia tăng lợi ích cho cổ đông.

NTW luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật, cho đến nay những thành công có được của Công ty đều nhờ các chiến lược kinh doanh phù hợp, nắm bắt được nhu cầu kịp thời và đón đầu xu hướng, duy trì sự ổn định về chất lượng phục vụ, đội ngũ nhân viên năng động, chuyên nghiệp; cũng như không ngừng gia tăng dịch vụ sử dụng, đảm bảo sự chăm sóc tận tình đến khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.

Về xã hội

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho CBCNV của mình và cho người lao động tại địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đảm bảo cho người lao động có được môi trường làm việc an toàn, khỏe mạnh, có được tinh thần thoải mái sau một ngày làm việc. Tạo điều kiện khuyến khích nhân viên thể hiện năng lực trong công việc, qua đó phát hiện đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn bị cho nguồn nhân lực kế cận góp phần thực hiện mục tiêu hoạt động mà Công ty đang theo đuổi. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Kết quả là thu nhập bình quân của CBCNV trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao. Ngoài ra, NTW luôn chú trọng không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ để có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng cao của khách hàng.

Với mong muốn tham gia đóng góp cho các chương trình mang nhiều ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội, Công ty sẽ tiếp tục có sự phối hợp với các đơn vị ủng hộ tiền cho người nghèo, vận động kinh phí giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, tham gia các chương trình xây dựng cộng đồng có tính hiệu quả lâu dài, đặc biệt là tại địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Về môi trường - năng lượng

Hoạt động chính của công ty là dịch vụ cung cấp nước sạch cho người tiêu dùng, nên Công ty luôn ý thức được trách nhiệm đối với môi trường thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm ở khu vực sản xuất và các khu vực xung quanh. Đảm bảo nhu cầu nước sạch và đời sống người dân không bị ảnh hưởng.

Ngoài ra, do đặc thù hoạt động nên loại năng lượng phục vụ cho hoạt động này chủ yếu là Điện và Nguồn nước ngầm tại khu vực khai thác. Do đó, trước khi thực hiện kế hoạch khai thác và kinh doanh dịch vụ, NTW luôn chú ý để có thể sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, tiết kiệm chi phí hoạt động. Chất lượng nước thành phẩm của Công ty luôn đạt các tiêu chuẩn của Bộ Y tế. Công ty chưa từng bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.

Công ty có một đội ngũ chuyên gia để kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường nhằm có những biện pháp kiểm soát, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước tại các khu vực khai thác. Đồng thời, NTW luôn cho kiểm tra và bảo trì định kỳ các công nghệ áp dụng cho sản xuất, luôn đảm bảo duy trì trạng thái hoạt động của máy móc, thiết bị ở mức tốt nhất, an toàn nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối cho khách hàng.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát các hoạt động triển khai nhiệm vụ mà HĐQT giao cho Ban Tổng Giám đốc, chỉ đạo và định hướng phát triển Công ty; đồng thời giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ hàng Quý nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình hoạt động của Công ty để đưa ra những Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng Quý. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập chung vào một số vấn đề chính như sau:

Chỉ đạo, đánh giá kết quả SXKD và đầu tư xây dựng cơ bản trong từng tháng, từng quý. Đôn đốc và giám sát ban điều hành công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành, quản lý để thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng tháng, quý còn lại.

Hiện nay, Công ty không thành lập Tiểu ban HĐQT.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty, dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản.



Kiểm tra, theo dõi việc công bố thông tin định kỳ và bất thường cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công ty đã thực hiện theo đúng quy định.

Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thành công tốt đẹp.

Phê duyệt các chủ trương, ban hành các Nghị quyết, Quyết định thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Văn Bính	- Chủ tịch HĐQT	05	100%	
2	Ông Ngô Dương Đại	- Ủy viên HĐQT	05	100%	
3	Ông Trần Văn Thùy	- Ủy viên HĐQT	05	100%	
4	Ông Nguyễn Viết Hưng	- Ủy viên HĐQT	05	100%	
5	Ông Nguyễn Văn Hồng	- Ủy viên HĐQT	05	100%	

Các văn bản ban hành

STT	Số Văn bản	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/2018/HĐQT-NTW	05/02/2018	Họp HĐQT thường kỳ Quý IV/2017.
2	02/2018/HĐQT-NTW	09/04/2018	Họp HĐQT thường kỳ Quý I/2018.
3	03/2018/HĐQT-NTW	17/05/2018	Họp HĐQT lần thứ 3, nhiệm kỳ 2018 – 2023.
4	04/2018/HĐQT-NTW	22/05/2018	Chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D200 đường 25B cấp nước cho các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh tại huyện Nhơn Trạch.
5	05/2018/HĐQT-NTW	29/06/2018	Chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước các hẻm tại xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
6	06/2018/HĐQT-NTW	02/07/2018	Họp HĐQT thường kỳ Quý II/2018.
7	07/2018/HĐQT-NTW	20/08/2018	Giải trình, làm rõ các nội dung phản ánh của Cổ đông.
8	08/2018/HĐQT-NTW	07/09/2018	Phản ánh của cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
9	09/2018/HĐQT-NTW	17/09/2018	Thư mời họp mở rộng lần thứ 06, nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Các nghị quyết ban hành

STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/2018/QĐ-HĐQT	12/04/2018	Phê duyệt nội dung tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
2	02/2018/QĐ-HĐQT	26/04/2018	Chi thưởng cho Ban quản lý, điều hành Công ty năm 2017.

Các quyết định ban hành

STT	Số Quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/2018/QĐ-HĐQT-NTW	22/01/2018	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1 (Xây lắp) công trình: Xây dựng hệ thống nước thô công suất 2.500m3/ngày.đêm cho nhà máy xử lý Đại Phước.
2	02/2018/QĐ-HĐQT-NTW	29/01/2018	Phê duyệt kế hoạch quỹ lương của người quản lý và quỹ lương của người lao động năm 2017.
3	03/2018/QĐ-HĐQT-NTW	12/04/2018	Thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
4	04/2018/QĐ-HĐQT-NTW	16/04/2018	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư XD/CB hoàn thành Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D160mm đường Hùng Vương. Địa điểm: xã Đại Phước, Phú Đồng, Nhơn Trạch, Đồng Nai.
5	05/2018/QĐ-HĐQT-NTW	26/04/2018	Bổ nhiệm Giám đốc Công ty (Ông Ngô Dương Đại).
6	06/2018/QĐ-HĐQT-NTW	10/05/2018	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty (Ông Trần Văn Thùy).
7	07/2018/QĐ-HĐQT-NTW	22/05/2018	Thanh lý tài sản cố định (Xe ô tô 4 chỗ ngồi nhãn hiệu Deawoo).
8	08/2018/QĐ-HĐQT-NTW	22/05/2018	Chỉ định thư ký HĐQT Công ty (Ông Nguyễn Ngọc Hiến).
9	09/2018/QĐ-HĐQT-NTW	24/05/2018	Phê duyệt mức lương chi trả hàng tháng cho Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
10	10/2018/QĐ-HĐQT-NTW	19/06/2018	Phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D200 cụm Công nghiệp Phú Thạnh, Vĩnh Thanh.
11	11/2018/QĐ-HĐQT-NTW	20/06/2018	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D200 cụm Công nghiệp Phú Thạnh, Vĩnh Thanh.
12	12/2018/QĐ-HĐQT-NTW	20/06/2018	Phê duyệt dự toán gói thầu số 01 khảo sát địa hình công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D200 cụm Công nghiệp Phú Thạnh, Vĩnh Thanh.
13	13/2018/QĐ-HĐQT-NTW	22/06/2018	Phê duyệt dự toán gói thầu số 02 lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D200 cụm Công nghiệp Phú Thạnh, Vĩnh Thanh.

Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Số Quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
14	14/2018/QĐ-HĐQT-NTW	28/06/2018	Phê duyệt kế hoạch quỹ lương của người quản lý, quỹ lương của người lao động năm 2018.
15	15/2018/QĐ-HĐQT-NTW	04/07/2018	Bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty (Ông Nguyễn Lương Thắng).
16	16/2018/QĐ-HĐQT-NTW	04/07/2018	Phê duyệt Bản vẽ TKKT - dự toán xây dựng công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm đường Trường học nối Bến Chùa, địa điểm: Ấp Trầu, Phước Thiện, Nhơn Trạch, Đồng Nai.
17	17/2018/QĐ-HĐQT-NTW	04/07/2018	Phê duyệt Bản vẽ TKKT - dự toán xây dựng công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm đường Trường trung học cơ sở, địa điểm: Ấp Trầu, Phước Thiện, Nhơn Trạch, Đồng Nai.
18	18/2018/QĐ-HĐQT-NTW	04/07/2018	Phê duyệt Bản vẽ TK - dự toán xây dựng công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Võ Ấp Trầu, địa điểm: Ấp Trầu, Phước Thiện, Nhơn Trạch, Đồng Nai.
19	19/2018/QĐ-HĐQT-NTW	05/07/2018	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm đường Trường học nối Bến Chùa, địa điểm: Ấp Trầu, Phước Thiện, Nhơn Trạch, Đồng Nai.
20	20/2018/QĐ-HĐQT-NTW	05/07/2018	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm đường Trường trung học cơ sở, địa điểm: Ấp Trầu, Phước Thiện, Nhơn Trạch, Đồng Nai.
21	21/2018/QĐ-HĐQT-NTW	05/07/2018	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm đường Trường trung học cơ sở, địa điểm: Ấp Trầu, Phước Thiện, Nhơn Trạch, Đồng Nai.
22	22/2018/QĐ-HĐQT-NTW	16/07/2018	Chấm dứt HĐLĐ đối với Cán bộ quản lý Công ty (Ông Võ Quang Hồng).
23	23/2018/QĐ-HĐQT-NTW	04/09/2018	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước.
24	24/2018/QĐ-HĐQT-NTW	06/09/2018	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D200 cụm CN Phú Thạnh - Vĩnh Thanh.

Trong năm vừa qua, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định, luôn thực hiện nghiêm túc chức năng, quyền hạn của mình trong việc giám sát điều hành Công ty nhằm đảm bảo việc hoạt động hiệu quả, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông. Nội dung các cuộc họp được diễn ra nhằm triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán tài chính, kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động khác của công ty. Việc tổ chức các cuộc họp định kỳ sẽ giúp cho Ban kiểm soát nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty. Với tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao phó, Ban kiểm soát cử người tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để giám sát phối hợp. Trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm công ty hoạt động theo đúng nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên 2018 để ra, phù hợp với mục tiêu của Công ty và các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước.

STT	Số Quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
25	25/2018/QĐ-HĐQT-NTW	17/09/2018	Quyết định về việc phê duyệt dự toán gói thầu xây dựng: Gói thầu số 01 (xây lắp): Xây dựng tuyến ống cấp nước D200 cụm CN Phú Thạnh - Vĩnh Thanh.
26	26/2018/QĐ-HĐQT-NTW	26/09/2018	Quyết định phê duyệt hồ sơ dự thầu gói thầu số 01 (xây lắp): Xây dựng tuyến ống cấp nước D200 cụm CN Phú Thạnh - Vĩnh Thanh.
27	27/2018/QĐ-HĐQT-NTW	06/11/2018	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 01 (xây lắp) công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D200 cụm CN Phú Thạnh - Vĩnh Thanh.
28	28/2018/QĐ-HĐQT-NTW	21/11/2018	Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án: Xây dựng tuyến ống cấp nước đường Nguyễn Văn Cừ. ĐĐ: Xã Phước An, Nhơn Trạch, Đồng Nai.
29	29/2018/QĐ-HĐQT-NTW	11/12/2018	Quyết định về việc BVTK - Dự toán xây dựng Công trình: Cải tạo tuyến ống cấp nước PVC D114 khu 5 ấp Cát Lái. ĐĐ: Khu 5, ấp Cát Lái, xã Phú Hữu, Nhơn Trạch, Đồng Nai.
30	30/2018/QĐ-HĐQT-NTW	13/12/2018	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch đầu thầu Công trình: Cải tạo tuyến ống cấp nước PVC D114 khu 5 ấp Cát Lái. ĐĐ: Khu 5, ấp Cát Lái, xã Phú Hữu, Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Thù lao và các khoản lợi ích

ĐVT: Đồng

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị				
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch	72.000.000		
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên	84.000.000		71.800.000
Ông Trần Văn Thùy	Thành viên	56.000.000		30.000.000
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên	56.000.000		
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên	56.000.000		
Ban kiểm soát				
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng ban	208.000.000		
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên	60.000.000		20.000.000
Ông Nguyễn Bá Hải	Thành viên	40.000.000		
Ban Thư ký				
Nguyễn Ngọc Hiến	Thư ký HĐQT	48.000.000		14.694.000
Ban điều hành				
Ông Ngô Dương Đại	Giám đốc		691.168.470	
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc		518.716.577	
Ông Trần Văn Thùy	Kế toán trưởng		479.781.452	

Trong năm qua, Cổ đông nội bộ Công ty không có hoạt động giao dịch và hợp đồng giao dịch.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 27

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên
Ông Trần Văn Thủy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Ngô Chí Quốc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Trần Văn Thủy	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Ngô Dương Đại	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Võ Quang Hồng	Phó Giám Đốc
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 05/07/2018)
Ông Ngô Dương Đại	Phó Giám Đốc (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Dương Đại
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Số: 19.112/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
 Các thành viên Ban Giám đốc
 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

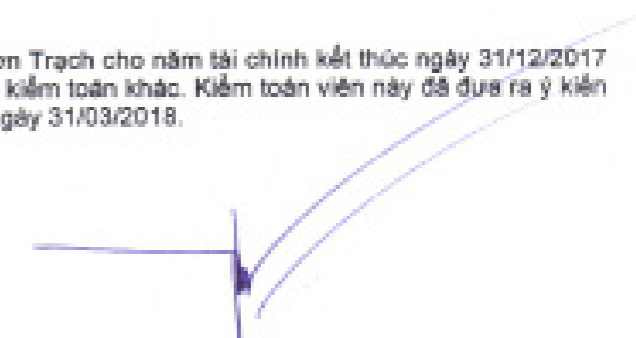
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 31/03/2018.



Lục Thị Vân
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
 0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019



Trịnh Thanh Thanh
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
 2820-2016-026-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.731.480.104	133.418.928.142
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	32.822.971.750	56.522.018.664
1. Tiền	111		7.968.904.592	10.117.494.850
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.854.067.158	46.404.523.814
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	15.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.424.711.993	67.202.467.499
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	33.541.461.328	32.871.285.881
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	16.460.437.788	763.773.124
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	35.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	915.421.103	882.905.720
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.492.608.226)	(2.315.497.226)
IV. Hàng tồn kho	140		5.646.438.319	7.360.450.615
1. Hàng tồn kho	141	4.7	5.646.438.319	7.360.450.615
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.837.358.042	2.333.991.364
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		287.459.191	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.528.312.173	1.345.978.069
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	21.586.678	988.015.295
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.949.188.326	70.438.296.801
I. Tài sản cố định	220		88.983.261.796	69.015.572.476
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	88.093.573.556	69.015.572.476
Nguyên giá	222		203.622.244.745	171.180.907.185
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.528.671.189)	(102.165.334.709)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	889.688.240	-
Nguyên giá	228		1.062.156.000	45.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(172.467.760)	(45.000.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		965.926.530	1.422.724.325
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	965.926.530	1.422.724.325
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		194.680.668.430	203.857.224.943

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.806.583.587	20.359.251.014
I. Nợ ngắn hạn	310		16.806.583.587	20.359.251.014
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	7.843.612.073	5.572.069.300
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		95.806.661	316.915.846
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	557.542.615	411.608.051
4. Phải trả người lao động	314		1.859.130.000	5.494.393.820
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	353.024.754	303.892.437
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14.6	6.097.467.484	6.260.571.560
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.874.084.843	183.497.973.929
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	177.874.084.843	183.497.973.929
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.043.138.411	6.043.138.411
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.850.498.176	16.792.673.664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.980.448.256	60.662.161.854
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		37.911.818.123	39.505.671.611
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.068.630.133	21.156.490.243
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		194.680.668.430	203.857.224.943



Ngô Dương Đại
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Trần Văn Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoàn
Người lập

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	162.294.434.906	153.943.895.717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	28.182.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		162.294.434.906	153.915.703.517
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	133.860.713.986	118.752.922.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.343.720.920	35.162.781.517
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.570.878.649	4.982.672.997
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	6.252.614.656	5.385.216.686
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	5.5	9.880.233.987	8.408.603.341
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.781.750.926	26.361.635.487
10. Thu nhập khác	31	5.6	4.395.336.740	4.423.261.190
11. Chi phí khác	32		4.300.000	4.242.283.873
12. Lợi nhuận khác	40		4.391.036.740	180.977.317
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.172.787.666	28.532.612.804
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	4.104.157.533	5.376.122.561
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.068.630.133	21.156.490.243
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.14.5	1.478	1.946



Ngô Dương Đại
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Trần Văn Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoàn
Người lập

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.172.787.666	28.532.612.804
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	13.757.356.513	11.962.870.716
Các khoản dự phòng	03		177.111.000	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.632.878.849)	(4.982.672.997)
Các khoản điều chỉnh khác	07		(4.210.002.611)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		26.264.373.919	33.512.810.522
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.615.262.981)	15.178.350
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.714.012.296	156.519.312
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.832.604.801)	741.061.237
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(287.459.191)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(2.700.000.000)	(6.000.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.663.398.607)	(4.776.618.329)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.879.660.636	23.648.961.092
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(29.244.363.098)	(21.393.741.222)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		62.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	4.2	(15.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.000.000.000	5.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.570.878.649	5.095.827.909
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.611.484.449)	(11.297.813.313)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	38		(19.967.223.100)	(14.957.394.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.967.223.100)	(14.957.394.400)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(23.699.046.914)	(2.606.256.621)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		56.522.018.664	59.128.275.285
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	32.822.971.750	56.522.018.664



Ngô Dương Đại
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Trần Văn Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoàn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xi nghiệp Nước Nhơn Trạch. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3059/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xi nghiệp nước Nhơn Trạch thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch chính thức đi vào hoạt động theo hình thức cổ phần từ ngày 14 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 05 năm 2018.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Việt Nam	52.437.360.000	52,44	52.437.360.000	52,44
America LLC	Bahamas	14.345.850.000	14,35	14.345.850.000	14,35
Cổ đông khác	Việt Nam	33.216.790.000	33,21	33.216.790.000	33,21
Cộng		100.000.000.000	100,00	100.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 83 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 82 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình công ích: xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí: lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Nợ phải thu**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tính hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 – 50 năm
- Máy móc thiết bị 05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn 06 – 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 – 05 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam trong 49 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí vật liệu bao bì, chi phí vận chuyển.....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, điện thoại, fax, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động cung cấp nước: 5%;
- Hoạt động xây lắp: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN, Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	317.063.847	71.649.897
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.651.840.745	10.045.844.953
Các khoản tương đương tiền	24.854.067.158	46.404.523.814
Cộng	32.822.971.750	56.522.018.664

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,7% – 6,8%/năm, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngân hàng Phương Đông	5.000.0000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	5.000.0000.000	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	5.000.0000.000	-
Cộng	15.000.0000.000	-

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	18.216.466.132	16.474.714.781
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	2.271.119.074
Các khách hàng khác	13.053.876.122	14.125.452.026
Cộng	33.541.461.328	32.871.285.881

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN, Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	15.060.000.000	-
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ Đức Anh	1.037.907.940	-
Các nhà cung cấp khác	372.529.848	763.773.124
Cộng	16.460.437.788	763.773.124

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan – Xem thêm mục 6	-	-	220.926.667	-
Tạm ứng	113.346.000	-	151.900.000	-
Ký cược, ký quỹ	119.924.444	-	144.079.595	-
Lãi dự thu	544.234.252	-	285.102.192	-
Phải thu khác	137.916.407	-	80.897.266	-
Cộng	915.421.103	-	882.905.720	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.492.608.228	-	2.315.497.226	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND			Tại ngày 01/01/2018 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	-	Trên 3 năm	2.271.119.074	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	221.489.152	-	Trên 3 năm	44.378.152	-	Trên 3 năm
Cộng	2.492.608.226	-		2.315.497.226	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.467.355.758	-	6.133.304.228	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	179.082.561	-	1.227.146.387	-
Cộng	5.646.438.319	-	7.360.450.615	-

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tuyến ống cấp nước D200 Cụm Công Nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh	357.141.531	-
Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5000m ³	257.818.182	-
Hệ thống cấp nước thô cho nhà máy xử lý nước Đại Phước	211.964.179	285.460.186
Công trình xây mới văn phòng công ty	-	752.861.238
Công trình khác	139.002.638	384.402.901
Cộng	965.926.530	1.422.724.325

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	42.642.646.695	30.110.103.761	97.100.625.565	1.319.531.164	171.180.907.165
Mua trong năm	-	1.128.000.000	988.909.091	30.990.000	2.147.499.091
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.484.053.340	255.657.710	24.737.872.249	-	26.487.583.299
Tặng khác	-	443.160.832	4.210.002.611 (*)	36.800.000	4.689.963.443
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(266.552.273)	-	(266.552.273)
Giảm khác	(617.166.000)	-	-	-	(617.166.000)
Tại ngày 31/12/2018	43.519.544.035	31.936.922.303	126.778.857.243	1.386.921.164	203.622.244.745
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	24.283.499.928	20.515.192.488	56.525.141.755	541.500.538	102.165.334.709
Khấu hao trong năm	2.283.758.258	2.662.063.597	8.706.109.444	249.683.016	13.881.612.315
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(266.552.273)	-	(266.552.273)
Giảm khác	(29.905.380)	-	(221.816.162)	-	(251.723.582)
Tại ngày 31/12/2018	26.517.350.807	23.177.256.084	65.042.880.744	791.183.554	115.528.671.189
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	18.359.146.767	9.594.911.273	40.583.483.810	778.030.626	69.015.572.476
Tại ngày 31/12/2018	17.002.193.228	8.759.666.219	61.735.976.499	595.737.610	88.093.573.558

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 66.458.273.670 VND.

(*) Là khoản tài trợ không hoàn lại chi phí vật tư chính để lắp đặt các tuyến ống cấp nước thuộc xã Hiệp Phước và xã Long Thọ từ Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa. Xem thêm mục 5.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2018	-	45.000.000	45.000.000
Mua trong năm	-	400.000.000	400.000.000
Tăng khác	617.158.000	-	617.158.000
Tại ngày 31/12/2018	617.158.000	445.000.000	1.062.158.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2018	-	45.000.000	45.000.000
Khấu hao trong năm	-	89.333.638	89.333.638
Tăng khác	38.134.124	-	38.134.124
Tại ngày 31/12/2018	38.134.124	134.333.638	172.467.760
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	579.021.876	310.666.364	889.688.240

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 45.000.000 VND.

4.11. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	2.999.992.594	2.999.992.594	3.445.045.573	3.445.045.573
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	1.753.812.959	1.753.812.959	1.319.072.234	1.319.072.234
Doanh Nghiệp Tư Nhân Anh Tuấn	1.244.871.350	1.244.871.350	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.844.935.170	1.844.935.170	807.951.493	807.951.493
Cộng	7.843.612.073	7.843.612.073	5.572.069.300	5.572.069.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	416.142.238	4.104.157.533	2.700.000.000	988.015.295	-
Thuế thu nhập cá nhân	21.586.678	-	829.164.352	911.404.545	-	60.653.515
Thuế tài nguyên	-	102.542.460	2.478.678.531	2.651.242.627	-	275.105.556
Các loại thuế khác	-	38.857.917	201.748.125	238.738.188	-	75.647.980
Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-
Cộng	21.586.678	557.542.615	7.613.748.541	6.501.385.360	988.015.295	411.608.051
4.13. Phải trả khác						
		Tại ngày 31/12/2018 VND			Tại ngày 01/01/2018 VND	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		214.770.500			181.993.600	
Các khoản phải trả, phải nộp khác		138.254.254			121.898.837	
Cộng		353.024.754			303.892.437	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	75.000.000.000	6.043.138.411	40.839.064.343	56.985.055.945	178.867.258.599
Tăng vốn trong năm trước	25.000.000.000	-	(25.000.000.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	21.156.490.243	21.156.490.243
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(953.609.320)	(953.609.320)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(572.165.593)	(572.165.593)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	953.609.321	(953.609.321)	-
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	100.000.000.000	6.043.138.411	16.792.673.664	60.662.161.854	183.497.973.929
Lãi trong năm nay	-	-	-	16.068.630.133	16.068.630.133
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.057.824.512)	(1.057.824.512)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(634.694.707)	(634.694.707)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.057.824.512	(1.057.824.512)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	100.000.000.000	6.043.138.411	17.850.488.175	53.980.448.256	177.874.084.843

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN, Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vốn góp của công ty mẹ	52.437.360.000	52.437.360.000
Vốn góp của các đối tượng khác	47.562.640.000	47.562.640.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	75.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	25.000.000.000
Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

4.14.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.14.5. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	16.068.645.272	21.156.490.243
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.285.485.588)	(1.692.519.219)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.783.159.706	19.463.971.024
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.478	1.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2018	16.792.673.664	8.260.571.560
Trích trong năm	1.057.824.512	1.882.519.219
Chi trong năm	-	(3.855.623.295)
Tại ngày 31/12/2018	17.850.498.176	6.097.467.484

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu hoạt động cung cấp nước	154.255.833.700	151.288.073.600
Doanh thu hoạt động xây lắp	8.038.601.206	2.655.822.217
Cộng	162.294.434.906	153.943.895.717

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 6

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động cung cấp nước	128.179.705.953	116.767.428.267
Giá vốn hoạt động xây lắp	5.771.008.033	1.985.493.743
Cộng	133.950.713.986	118.752.922.000
Trong đó, Giá vốn đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 6	87.020.567.180	86.135.325.894

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	2.533.273.057	2.632.672.997
Lãi tiền cho vay và lãi chiết khấu thanh toán đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 6	1.037.605.592	2.350.000.000
Cộng	3.570.878.649	4.982.672.997

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	2.329.283.289	2.791.764.103
Chi phí vật liệu, bao bì	3.629.730.072	2.545.611.852
Chi phí khác	293.601.325	47.839.731
Cộng	6.252.614.656	5.385.215.686

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.622.388.189	6.489.812.120
Chi phí vật liệu quản lý	265.649.510	269.000.227
Chi phí đồ dùng văn phòng	298.740.927	228.472.364
Chi phí khấu hao	874.971.576	356.606.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	700.409.942	245.929.799
Chi phí khác	1.117.873.643	820.762.727
Cộng	9.880.233.987	8.408.603.341

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Nhận tài trợ kinh phí xây dựng tuyến ống cấp nước từ Formosa – Xem thêm mục 4.9	4.210.002.611	-
Chuyển nhượng vật tư	-	4.257.522.611
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản	62.000.000	-
Thu nhập khác	123.334.129	185.738.579
Cộng	4.395.336.740	4.423.261.190

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí mua nước	95.798.585.218	86.135.325.894
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.462.782.726	8.814.809.625
Chi phí nhân công	16.542.182.730	16.767.364.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.757.356.513	11.962.870.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.608.311.534	5.422.735.275
Chi phí khác	6.866.279.062	4.246.462.068
Cộng	149.035.498.803	133.349.568.202

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	20.172.787.666	26.532.612.804
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	348.000.000	348.000.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	20.520.787.666	26.880.612.804
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.104.157.533	5.376.122.561

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 2. Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Và Xây Dựng | Công ty cùng tập đoàn |
| 3. Cấp Nước Đồng Nai | Công ty cùng tập đoàn |
| 4. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 4.3		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	18.216.488.132	16.474.714.781
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu về cho vay:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	-	15.000.000.000
Cộng	-	35.000.000.000
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khác – Xem thêm mục 4.5		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	-	220.926.667

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	15.050.000.000	-
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả thương mại:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	(2.941.483.104)	(3.445.045.573)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh	(58.509.490)	-
Cộng – Xem thêm mục 4.11	(2.999.992.594)	(3.445.045.573)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng – Xem thêm mục 5.1		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	1.583.239.483	-
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	85.958.758.261	86.135.325.894
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh	1.063.808.899	-
Cộng – Xem thêm mục 5.2	87.020.567.160	86.135.325.894
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi cho vay và chiết khấu thanh toán:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	950.105.592	950.000.000
Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	87.500.000	1.400.000.000
Cộng – Xem thêm mục 5.3	1.037.605.592	2.350.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	2.580.104.850	2.222.489.300
Tiền thưởng Ban điều hành và Hội đồng quản trị nhiệm kỳ trước	255.400.000	-
Cộng	2.835.504.850	2.222.489.300

7. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	536.800.000	472.000.000

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Ngô Dương Đại
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Trần Văn Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoàn
Người lập

Nhơn Trạch, ngày 22 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



NGÔ DƯƠNG ĐẠI

